

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HS-PT

Ngày: 17 - 10 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi

Các Thẩm phán: Ông Lê Viết Phong
Ông Nguyễn Văn Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 17 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 02/2022/TLPT-HS ngày 04/7/2022 đối với bị cáo Trần Minh N và các bị cáo khác. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2022/HS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

- Bị cáo có kháng cáo:

1/ Họ và tên: **Trần Minh N**, sinh năm 1998, tại Bình Phước; Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Trần Văn S, sinh năm 1967 và bà Ung Thị Thùy L, sinh năm 1974; bị cáo có vợ tên Thái Thị Ngọc T, sinh năm 1995 và có 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 11/01/2022, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh Bình Phước khởi tố bị can về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2022/HS-ST ngày 04/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước đã xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/12/2020 đến ngày 22/3/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh “*Có đơn xin vắng mặt*”

2/ Họ và tên: **Phạm Duy T**, sinh năm 1990, tại Ninh Bình; Nơi thường trú: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; Nơi tạm trú: Khu phố S, phường X, thành phố X, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Phạm Văn Đ (đã chết) và bà Trần Thị V (đã chết); Bị cáo có 01 con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2013/HSST ngày 27, 28 tháng 3 năm 2013 của Tòa án nhân dân thị xã X (nay là thành phố X), tỉnh Bình Phước xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Ngày 08/4/2013, Phạm Duy T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, đến ngày 11/6/2013, T rút kháng cáo. Đến ngày 31/8/2015, Phạm Duy T được đặc xá và đã được xóa án tích.

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 37 ngày 28/5/2021 của Công an huyện Đ xử phạt số tiền 3.000.000 đồng về hành vi sử dụng công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép, đã chấp hành xong quyết định.

Bị bắt tạm giam từ ngày 31/12/2020, đến ngày 03/02/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh. “Có mặt”

3/ Họ và tên: **Tô Văn Th** (tên gọi khác: Tư), sinh năm 1997, tại Bình Phước; Nơi cư trú: Ấp 3, xã L, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Buôn bán; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Tô Văn K (đã chết) và bà Phạm Thị H, sinh năm 1966; có vợ tên Kiều Thị Thúy L, sinh năm 1998 và có 01 con, sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 60 ngày 19/5/2017 của Công an xã L, huyện Đ xử phạt số tiền 3.000.000 đồng về hành vi xâm hại sức khỏe người khác. Ngày 19/5/2017 chấp hành xong quyết định trên.

Bị bắt tạm giam từ ngày 31/12/2020, đến ngày 05/02/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh.

Ngày 19/4/2022, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ khởi tố bị can về tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*” theo khoản 3 Điều 157 Bộ luật hình sự và bị tạm giam từ ngày 20/4/2022 cho đến nay. “Có mặt”

4/ Họ và tên: **Trần Hiễn L** (tên gọi khác: Voi), sinh năm 2000, tại Bình Phước; Nơi cư trú: Ấp 9, xã L, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Công nhân; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Trần Văn S, sinh năm 1971 và bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1973; Bị cáo có 06 anh em, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình, em nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/12/2020 cho đến nay “Có mặt”

5/ Họ và tên: **Nguyễn Hoàng G**, sinh năm 1995, tại Bình Phước; Nơi cư trú: Khu phố L, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; con ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1957 và bà Lê Thị T, sinh năm 1965; Bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình, em nhỏ sinh năm 1997; bị cáo có 01 người con sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 116/2018/HSST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã X (nay là thành phố X), tỉnh Bình Phước, áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38. 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017 tuyên phạt 02 năm tù đối với Nguyễn Hoàng G về tội “Cố ý gây thương tích”. Nguyễn Hoàng G kháng cáo xin hưởng án treo. Tại bản án hình sự phúc thẩm số 75/2019/HSPT ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước áp dụng khoản 2 Điều 155, điểm d khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên hủy bản án hình sự sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Nguyễn Hoàng G.

Bị bắt tạm giam từ ngày 31/12/2020 đến ngày 08/01/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh. “Có mặt”

6/ Họ và tên: **Vũ Canh T**, sinh năm 2000, tại Bình Phước; Nơi cư trú: Ấp 9, xã L, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Công nhân; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Vũ Thiện C (đã chết) và bà Trần Thị T, sinh năm 1957; Bị cáo có 08 anh chị em, bị cáo là con út trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/12/2020 cho đến nay. “Có mặt”

7/ Họ và tên: **Nguyễn Hoàng D**, sinh ngày 14/02/2002, tại Bình Phước; Nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Buôn bán; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969 và bà Quách Thị Thúy P, sinh năm 1967; Bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con út trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/12/2020 cho đến nay. “Có mặt”

8/ Họ và tên: **Nguyễn Hoàng Thái B**, sinh ngày 25/8/2002, tại Bình Phước; Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Thợ sắt; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn Thế P, sinh năm 1979 và bà Vũ Thị Hồng H, sinh năm 1981; Bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con lớn trong gia đình, em nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/12/2020 cho đến nay. “Có mặt”

9/ Họ và tên: **Mã Lương Đ**, sinh ngày 09/8/2002, tại Bình Phước; Nơi

cư trú: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Mã Lương V, sinh năm 1972 và bà Trương Thị T, sinh năm 1981; Bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con út trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/12/2020 cho đến nay. “Có mặt”

10/ Họ và tên: **Phan Trí M**, sinh ngày 06/02/2002, tại Bình Phước; Nơi cư trú: Ấp C, xã T1, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông Phan Nhật T (đã chết) và bà Bùi Thị N, sinh năm 1971; Bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con út trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/3/2021 cho đến nay. “Có mặt”

11/ Họ và tên: **Phạm Đăng K**, sinh ngày 04/11/2002, tại Bình Phước; Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Nghề nghiệp: Làm thuê; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Phạm Văn L, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1978; Bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con lớn trong gia đình, em nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 05/4/2022 bị Công an thị trấn P, huyện Đ xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “*Đánh bạc trái phép*” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 06/QĐ-XPHC ngày 05/4/2022. Đã chấp hành xong.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/12/2020 cho đến nay. “Có mặt”

12/ Họ và tên: **Nguyễn Thành T**, sinh ngày 22/5/2004, tại Bình Phước; Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Nghề nghiệp: Công nhân; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 và bà Võ Thị P, sinh năm 1979; Bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con út trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/12/2020 cho đến nay. “Có mặt”

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thành T: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975. “Có đơn xin vắng mặt”

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước

Người bào chữa cho bị cáo Phan Trí M: Luật sư Chu Văn T – Văn phòng Luật sư V, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước. “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 06/9/2020, Hồ Thanh T, Hà Văn T, Phùng Quốc H, Linh Quang L, Triệu Anh H, Phan Ngọc C, Phạm Đăng K, Phạm Minh Đ, Hà Nguyễn Tiên B đến quán 779 thuộc khu phố A, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bình Phước để ăn uống. Đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, khi nhóm Hồ Thanh T chuẩn bị về thì Trần Minh N đi cùng bạn đến quán 779. Do có mâu thuẫn từ trước nên Hồ Thanh T xông vào đánh N sau đó Hà Văn T, L, Đ cùng tham gia. Khi bị đánh, N bỏ chạy rồi nhờ Nguyễn Thanh T đưa đến bệnh viện Hoàn Mỹ tại xã H, thành phố X, tỉnh Bình Phước để chữa trị, còn nhóm của Hồ Thanh T đi về. Sau khi biết N bị đánh, Nguyễn Hoàng G, Tạ Đình Đ, Phạm Duy T đến thăm, nghe N kể lại thì Phạm Duy T, G cùng một số đối tượng (chưa rõ nhân thân) đón taxi đi đến nhà trọ nơi Hồ Thanh T đang thuê tại ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước để tìm T giải quyết việc đánh N nhưng không gặp nên đi về. Đến khoảng 15 giờ 00 phút ngày 07/9/2020, Phạm Duy T, G và Tô Văn Th (Tư) đến quán karaoke Hoàng Y tại khu phố A, thị trấn P, huyện Đ gặp N. Tại đây, N rủ Phạm Duy T, G, Tô Văn Th đi tìm Hồ Thanh T, Hà Văn T, L để nói chuyện thì tất cả đồng ý, N gọi điện nhờ Tạ Đình Đ điều khiển xe ô tô biển số 93A-113.50 chở N, Phạm Duy T, G, Tô Văn Th đi xã H và xã T, huyện Đ tìm Hồ Thanh T, Hà Văn T, L nhưng không gặp nên cả nhóm đi về. Sau đó, N gọi điện thoại cho Hồ Thanh T (lúc này T đang ở cùng với Hà Văn T và L tại nhà nghỉ D) hẹn gặp tại quán karaoke Hoàng Y vào tối cùng ngày để giải quyết mâu thuẫn (đánh nhau) thì Hồ Thanh T đồng ý và rủ Hà Văn T, L cùng giúp mình đánh nhóm của N thì cả hai đều đồng ý. Sau đó Hồ Thanh T nhắn tin, điện thoại cho Phan Ngọc C, Phùng Quốc H, Phạm Minh Đ, Đặng Hoàng S, Trần Quang Q, Điều Quốc H, Triệu Anh H, Đỗ Chí T, Nguyễn Thành Q, Thân Thành T, Trần Đình N, Nguu Văn T, Nguyễn Quan L đến quán cà phê M, thuộc xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước để bàn bạc giúp Hồ Thanh T giải quyết mâu thuẫn (đánh nhau) với nhóm của N vào tối ngày 07/9/2020 thì tất cả đồng ý. Nhóm của T gọi thêm Tạ Mạnh H, Nguyễn Đình T, Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Thành T, Trần Nguyễn Hoàng Q, Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Hoàng Thái B, Mã Lương Đ, Phạm Đăng K, Nguyễn Hoàng T, Phan Trí M, Lương Thanh C, Cuốn Sao Thành Đ, Phan Nguyễn Anh H, Phạm Ngọc S và B, D cùng một số đối tượng khác (chưa rõ nhân thân) cùng đến quán cà phê M vào tối ngày 07/9/2020 để tập trung, bàn bạc phụ giúp Hồ Thanh T đi giải quyết mâu thuẫn (đánh nhau) với nhóm N thì tất cả đồng ý. Khi đi đến quán cà phê M thì Phạm Minh Đ mang theo dao rựa, tuýp sắt, Đỗ Chí T mang theo một bao gậy gỗ (do Hồ Thanh T nhờ T chuẩn bị trước khi đến quán), Phạm Đăng K chuẩn bị dao và rựa cho C cùng cầm xuống, Phạm Ngọc S mang một dao rựa khi đến quán giấu vào bụi tre gần đó và một số đối tượng (không rõ thân thân) mang theo nhiều hung khí khác. Trong quá trình bàn bạc tại quán cà phê M, Nguyễn Thành Q cùng Phạm Ngọc S điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) đi gặp người tên L (không rõ nhân thân) để giải quyết mâu thuẫn cá nhân, còn nhóm T cho rằng số gậy, dao rựa, dao tự chế mang theo không đủ để đánh nhau với nhóm của N nên Đặng Hoàng S, Phạm Minh Đ cùng nhau đi mua thêm dao rựa, 50.000 đồng tiền xăng và 05 chai thủy

ting đưa về quán cà phê M để chế tạo bom xăng, sau đó Đ mượn xe của S về nhà giải quyết việc riêng rồi đi sau.

Lúc này, khoảng 20 giờ 00 phút ngày 07/9/2020, đã đến giờ hẹn đánh nhau với nhóm của N nên Hồ Thanh T nói tất cả mọi người đi thì nhóm của Hồ Thanh T để lại xăng, chai thủy tinh tại quán M; đồng loạt lên xe mô tô đi đến quán Karaoke Hoàng Y, khi đi đến đoạn dốc quán cà phê M cả nhóm dừng lại để lấy hung khí chuẩn bị trước đó. Khi đi, Điều Quốc H điều khiển xe mô tô biển số 93P1-611.25 chở Hồ Thanh T ngồi sau cầm gậy gỗ, bình xịt hơi cay; Hà Văn T cầm theo 01 gậy gỗ, 01 con dao thái lan ngồi sau xe mô tô của người thanh niên (không rõ nhân thân); Mã Lương Đ điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở Phạm Đăng K ngồi sau không cầm hung khí gì; Nguyễn Hoàng T điều khiển xe mô tô biển số 93T9-5395 chở Phan Ngọc C ngồi sau cầm 01 cây rựa, 01 dao tự chế; Phùng Quốc H điều khiển xe mô tô biển số 93K1-034.43 chở Linh Quang L ngồi sau cầm 02 cây gậy gỗ; Trần Quang Q điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở B (không rõ nhân thân) ngồi sau cầm 01 cây gậy gỗ; Nguyễn Mạnh C điều khiển xe mô tô biển số 93M1-300.25 chở Nguyễn Mạnh C ngồi sau cầm 01 gậy gỗ; Nguyễn Thành T điều khiển xe mô tô biển số 93M1-042.93 chở Trần Nguyễn Hoàng Q ngồi sau không cầm hung khí gì (đi được một lúc thì T dừng xe xuống nhặt 02 cục đá và để cho Q chở); Phan Trí M điều khiển xe mô tô biển số 93P2-323.95 chở Triệu Anh H ngồi sau cầm 02 gậy gỗ; Đặng Hoàng S cầm 01 cây rựa ngồi sau xe mô tô của người thanh niên (không rõ nhân thân); Nguyễn Hoàng D điều khiển xe mô tô biển số 93M1-288.10 chở Nguyễn Hoàng Thái B ngồi sau không cầm hung khí gì (đi được một đoạn thì D dừng xe lại cho B nhặt 02 cục đá); Thân Thành T điều khiển xe mô tô biển số 93M1-072.51 chở Trần Đình N ngồi sau không cầm hung khí gì; Cuốn Sao Thành Đ điều khiển xe mô tô biển số 93P2-590.27 chở Nguu Văn T ngồi sau cầm 01 cây gậy gỗ; Nguyễn Quan L điều khiển xe mô tô biển số 93M1-190.95 chở Phan Nguyễn Anh H, Đỗ Chí T ngồi sau cầm gậy gỗ; Lương Thanh C được một người không rõ lai lịch chở không cầm theo hung khí gì. Cả nhóm di chuyển đến bên hông quán BBQ gần siêu thị COOPMART thì dừng lại để tập hợp đông đủ, lúc này Phan Nguyễn Anh H điều khiển xe chở Nguyễn Quan L ngồi sau cầm gậy gỗ (còn gậy của H thì đưa cho người khác) cùng cả nhóm kéo đến quán Karaoke Hoàng Y, khi cách quán Hoàng Y khoảng 100m thì thấy nhóm Trần Minh N đang đứng chờ sẵn ở ven đường ngay khu vực gần quán.

Về phía N, sau khi hẹn gặp Hồ Thanh T để giải quyết mâu thuẫn thì Ngòi điện nhờ Phạm Duy T, G, Tô Văn Th, D (không rõ nhân thân) tối ngày 07/9/2020 đến quán Karaoke Hoàng Y để giúp N đánh nhau với nhóm của T thì tất cả đồng ý. Sau đó, nhóm của N gọi thêm Trần Hiền L, Vũ Canh T, Nguyễn Hùng D, Lại Văn L, Nguyễn Duy P, Nguyễn Trung H và một số đối tượng (không rõ nhân thân) cùng tham gia. Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, nhóm của N có mặt gồm: N, Phạm Duy T, G, Tô Văn Th, L, T, D, L, P, H và D (Đồng X) cùng một số đối tượng (không rõ thân thân) chuẩn bị hung khí và đứng đợi sẵn. Khi thấy nhóm của Hồ Thanh T xông đến, nhóm của N

liền lấy dao, kiếm, gậy, gạch chuẩn bị từ trước ra cầm trên tay, trong đó: N sử dụng kiếm; Tô Văn Th, Trần Hiền L sử dụng dao rựa; Nguyễn Hoàng G sử dụng gạch; Phạm Duy T sử dụng súng bắn đạn cao su. Sau đó nhóm của N xông đến đánh nhau với nhóm của T, hai bên dùng gạch đá ném qua lại lẫn nhau, lúc này Phạm Duy T dùng súng bắn chỉ thiên hai phát để uy hiếp nhóm của T; nghe tiếng súng nổ, nhóm của T bỏ chạy tán loạn về hướng phía sau khu vực Nhà bia tưởng niệm các anh hùng Liệt sỹ huyện Đ, lúc này Nguyễn Đình T, Tạ Mạnh H cũng chạy đến tập trung tại đây. Nhóm của N đi trên 02 xe ô tô tiếp tục đuổi theo nhóm của T, khi gặp nhóm của T đang đứng, tập hợp đồng bọn tại khu vực phía sau Nhà bia tưởng niệm các anh hùng Liệt Sỹ thì nhóm của N xuống xe, định xông vào đánh nhau với nhóm của T. Khi hai nhóm chuẩn bị lao vào đánh nhau thì lúc này 02 đồng chí Nguyễn Đắc H, Lưu Văn L là trinh sát hình sự (mặc thường phục) nghe thông tin nên điều khiển xe mô tô đến nắm tình hình, phát hiện hai nhóm chuẩn bị tiếp tục đánh nhau nên 02 đồng chí H, L dùng súng công cụ hỗ trợ bắn chỉ thiên và hô “Công an đây” để cảnh cáo, ngăn chặn đánh nhau. Nhóm của N nghe có Công an liền lên xe ô tô gần đó bỏ chạy; Nhóm của T nghĩ là nhóm của N giả danh Công an nên quay lại tấn công, đồng chí H và L bị áp đảo về quân số nên bỏ chạy để lại xe mô tô biển số 93M1-207.08 và xe mô tô biển số 93P1 – 191.95. Lúc này, Hà Văn T, Phan Ngọc C, Đặng Hoàng S, Nguyễn Quan L cùng một số đối tượng (chưa rõ lai lịch) dùng dao rựa, gậy chém, đập phá làm hư hỏng xe mô tô biển số 93M1-207.08 của đồng chí H. Sau đó, nhóm của Hồ Thanh T chia nhau ra giải tán.

Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ tiến hành điều tra làm rõ hành vi phạm tội của Hồ Thanh T, Linh Quang L, Phùng Quốc H, Trần Quang Q, Tạ Mạnh H, Nguyễn Đình T, Phạm Đăng K, Nguyễn Hoàng T, Nguyễn Thành T, Triệu Anh H, Trần Nguyễn Hoàng Q, Phạm Minh Đ, Hà Văn T, Phan Ngọc C, Đặng Hoàng S, Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Hoàng Thái B, Mã Lương Đ, Nguyễn Mạnh C, Phan Trí M, Nguyễn Quan L, Lương Thanh C, Ngưu Văn T, Cuốn Sao Thành Đ, Thân Thành T, Phan Nguyễn Anh H, Điều Quốc H, Trần Minh N, Trần Hiền L, Vũ Canh T, Nguyễn Hùng D, Phạm Duy T, Nguyễn Hoàng G, Tô Văn Th như đã nêu trên.

Tại Kết luận giám định số 5027/C09B ngày 02/10/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Khẩu súng ngắn màu trắng, hiệu Zoraki Mod 914 – TD, số hiệu súng ZRCW102 1908 – 00795 và 01 hộp tiếp đạn gửi giám định là súng công cụ hỗ trợ không phải vũ khí quân dụng.

- 02 vỏ đạn đã bắn, đít đạn ký hiệu YAS GLD 9mm PAK gửi giám định là đạn cao su và thuộc danh mục công cụ hỗ trợ không phải vũ khí quân dụng, dấu vết trên 02 vỏ đạn đã bắn nêu trên do khẩu súng Zoraki Mod 914-TD, số hiệu súng ZRCW102 1908-00795 bắn ra.

Tại Kết luận giám định số 5022/C09B ngày 23/10/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

Chất lỏng đựng trong 01 can nhựa loại 05 lít được niêm phong, gửi giám định có chứa thành phần là xăng, thể tích 2,65 lít. Xăng là chất lỏng dễ cháy có nguồn gốc từ dầu mỏ, được sử dụng chủ yếu làm nhiên liệu trong hầu hết các động cơ đốt trong.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2022/HS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

1/ Tuyên bố các bị cáo Trần Minh N, Phạm Duy T, Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Hoàng Thái B, Mã Lương Đ, Nguyễn Hoàng G, Trần Hiền L, Tô Văn Th, Vũ Canh T, Phan Trí M, Phạm Đăng K, Nguyễn Thành T phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

2/ Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bị cáo **Trần Minh** 03 (Ba) năm tù, được khấu trừ vào thời gian bị cáo bị giam giữ trước đó, từ ngày 31/12/2020 đến ngày 22/3/2021. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bị cáo **Phạm Duy T** 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, được khấu trừ vào thời gian bị cáo bị giam giữ trước đó, từ ngày 31/12/2020 đến ngày 03/02/2021. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bị cáo **Tô Văn Th** 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, được khấu trừ vào thời gian bị cáo bị giam giữ trước đó, từ ngày 31/12/2020 đến ngày 05/02/2021. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bị cáo **Trần Hiền L** 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng G** 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, được khấu trừ vào thời gian bị cáo bị giam giữ trước đó, từ ngày 31/12/2020 đến ngày 08/01/2021. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng D** 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bị cáo **Vũ Canh T** 02 (Hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng Thái B** 02 (Hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bị cáo **Mã Lương Đ** 02 (Hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bị cáo **Phan Trí M** 02 (Hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58, 90, 91, 101, 103 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bị cáo **Phạm Đăng K** 02 (Hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58, 90, 91, 101, 103 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bị cáo **Nguyễn Thành T** 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo khác trong vụ án, quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

- Ngày 25/5, ngày 06, 07/9/2022, bị cáo Nguyễn Thành T và người đại diện hợp pháp của bị cáo là ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo;

- Cùng ngày 26/5/2022, bị cáo Nguyễn Hoàng G có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; bị cáo Phạm Duy T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

- Cùng ngày 29/5/2022, bị cáo Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Hoàng Thái B có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ;

- Ngày 30/5/2022, bị cáo Trần Minh N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo;

- Cùng ngày 31/5/2022, bị cáo Phan Minh T, Vũ Canh T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

- Cùng ngày 02/6/2022, bị cáo Tô Văn Th có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; Bị cáo Trần Hiền L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo;

- Cùng ngày 03/6/2022, bị cáo Mã Lương Đ, Phạm Đăng K có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo;

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Trần Minh N có Đơn rút toàn bộ kháng cáo; bị cáo Tô Văn Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo còn lại xin được hưởng án treo.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát:

- Đối với bị cáo Trần Minh N: Ngày 19/9/2022, bị cáo N đã có đơn rút yêu cầu kháng cáo. Việc rút kháng cáo của bị cáo N là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Trần Minh N.

- Đối với các bị cáo Tô Văn Th, Phạm Duy T: Các bị cáo là những người tham gia với vai trò tích cực nhất, chuẩn bị hung khí, kêu gọi thêm người tham gia để giải quyết mâu thuẫn; các bị cáo có nhân thân xấu nên phải xử mức án phạt tù mới đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới so với cấp sơ thẩm. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Th, T, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo này.

- Đối với các bị cáo L, G, Vũ Canh T, D, B, Đ, Minh, K, Nguyễn Thành T: Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, các bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 01/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Cấp sơ thẩm tuyên buộc các bị cáo phải chịu mức án tù có thời hạn là có phần nghiêm khắc. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo; Sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo này theo hướng giữ nguyên mức hình phạt tù đối với các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo theo quy định.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Phan Trí M:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm cho bị cáo Phan Trí M một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, bị cáo mồ côi cha từ nhỏ, mẹ bị bệnh, không có khả năng lao động, bị cáo lao động chính trong gia đình nuôi mẹ bị bệnh, bị cáo cũng đang bị bệnh sỏi mật ứ nước độ 2, thận ứ nước. Bản thân bị cáo không tham gia vào các hành vi gây thương tích hoặc cố ý hủy hoại tài sản trong vụ án này. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo đủ điều kiện để được hưởng án treo theo Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 02/2018 và Nghị quyết số 01/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về án treo. Kính mong Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Trí M, cho bị cáo M được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thành T là ông Nguyễn Văn T được thực hiện trong thời hạn luật định, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xem xét, giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của bị cáo Trần Minh N: Do bị cáo có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo và đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút kháng cáo của bị cáo là sự tự nguyện, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 348, 351 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử bị cáo và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung liên quan đến kháng cáo của bị cáo N. Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2022/HS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã xét xử đối với Trần Minh N có hiệu lực pháp luật.

[3] Về sự vắng mặt của ông Nguyễn Văn T (cha của bị cáo Nguyễn Thành T): Xét tại thời điểm bị cáo phạm tội và xét xử sơ thẩm, bị cáo T là người chưa đủ 18 tuổi nên ông T tham gia tố tụng với tư cách là đại diện hợp pháp của bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm vụ án hôm nay bị cáo T đã đủ tuổi trưởng thành, việc vắng mặt ông T không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo T nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T là phù hợp pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Duy T, Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Hoàng Thái B, Mã Lương Đ, Nguyễn Hoàng G, Trần Hiền L, Tô Văn Th, Vũ Canh T, Phan Trí M, Phạm Đăng K, Nguyễn Thành T thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản án sơ thẩm đã nhận định. Xét, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án nên có đầy đủ căn cứ để xác định các bị cáo phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

[5] Xét kháng của các bị cáo Phạm Duy T, Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Hoàng Thái B, Mã Lương Đ, Nguyễn Hoàng G, Trần Hiền L, Vũ Canh T, Phan Trí M, Phạm Đăng K và kháng cáo của ông Nguyễn Văn T về việc ông T xin cho bị cáo Nguyễn Thành T được hưởng án treo và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Tô Văn Th, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[6] Chỉ vì để giải quyết mâu thuẫn cá nhân giữa bị cáo Trần Minh N với bị cáo Hồ Thanh T mà các bị cáo đã rủ rê, lôi kéo đồng bọn, chuẩn bị hung khí để đi đánh nhau. Các bị cáo hoàn toàn nhận thức được những hành vi này là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính ngông cuồng, thích thể hiện bản thân nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, trật tự hành chính, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, thể hiện các bị cáo có ý thức coi thường pháp luật. Trong số các bị cáo

kháng cáo, bị cáo N giữ vai trò là người chủ mưu, rủ rê, cầm đầu; các bị cáo còn lại tham gia với vai trò thực hành.

[7] Xét, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho các bị cáo Phạm Duy T, D, B, Đ, G, L, Vũ Canh T, M, K, Nguyễn Thành T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, gồm: Thành khẩn khai báo, ăn hối cải, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu. Riêng, bị cáo Tô Văn Th đang bị điều tra về tội phạm khác nên không được hưởng tình tiết “ăn năn hối cải”; các bị cáo N, Phạm Duy T, G, B gia đình có công với cách mạng; bị cáo G, Th có con còn nhỏ, là lao động chính trong gia đình; bị cáo K, Nguyễn Thành T tại thời điểm phạm tội chưa đủ 18 tuổi.

[8] Ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nêu trên, tại phiên tòa phúc thẩm: bị cáo Mã Lương Đ cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới, bị cáo còn có ông nội là Mã Lương B và bà nội là Phan Thị T đã có thời gian tham gia dân công hỏa tuyến, được Bộ Tư lệnh Quân khu 4 cấp Giấy chứng nhận; có ông ngoại là Trương Văn S được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Bị cáo Nguyễn Thành T cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới là hồ sơ bệnh án của bố bị cáo là ông Nguyễn Văn T hiện đang phải điều trị bệnh Đột quỵ não và có xác nhận của chính quyền địa phương về việc hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Các bị cáo D, G và B cung cấp thêm tình tiết mới đó là xác nhận của chính quyền địa phương về việc bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, được Hội đồng xét xử xem xét áp dụng.

[9] Tại Tòa án cấp phúc thẩm: các bị cáo đều thể hiện sự ăn năn về hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, xét đối với bị cáo Tô Văn Th, Phạm Duy T và Phạm Đăng K: bị cáo Th có nhân thân xấu (năm 2017 đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi xâm phạm sức khỏe người khác) và hiện nay bị cáo đang trong thời gian bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ khởi tố, điều tra về hành vi “*Bắt giữ người trái pháp luật*”; bị cáo Phạm Duy T cũng có nhân thân xấu (năm 2013 bị kết án 06 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”). Riêng bị cáo K, mặc dù tại Tòa án cấp sơ thẩm bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng sau khi thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng trong vụ án này thì vào ngày 05/4/2022 bị cáo lại tiếp tục bị Công an thị trấn P, huyện Đ xử phạt về hành vi “*Đánh bạc trái phép*” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 06/QĐ-XPHC ngày 05/4/2022 thể hiện bị cáo chưa có thái độ chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, chưa có khả năng tự cải tạo. Đối chiếu các quy định của pháp luật về án treo thì các cáo Phạm Duy T và K không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do đó, kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Phạm Duy T và K không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với bị cáo Th, với tính chất, vai trò đồng phạm và các đặc điểm về nhân thân của bị cáo Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng mức xử phạt tương xứng, do đó việc giảm hình phạt

cho bị cáo là không phù hợp với mức hình phạt đã áp dụng với các bị cáo khác. Vì vậy, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Th cũng không được chấp nhận.

[10] Đối với các bị cáo L, G, Vũ Canh T, D, B, Đ, M và Nguyễn Thành T có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Do đó, để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho các bị cáo này tự cải tạo mà không cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội cần giữ nguyên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với từng bị cáo theo quy định của pháp luật. Nên, kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo L, G, Vũ Canh T, D, B, Đ, M và kháng cáo của ông T về việc xin hưởng án treo cho bị cáo Nguyễn Thành T được chấp nhận.

[11] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa về đề nghị cho bị cáo K được hưởng án treo không được chấp nhận, các nội dung khác được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Tô Văn Th, Phạm Duy T, Phạm Đăng K không được chấp nhận nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Kháng cáo của các bị cáo L, G, Vũ Canh T, D, B, Đ, M và kháng cáo của ông T về việc xin hưởng án treo cho bị cáo Nguyễn Thành T được chấp nhận nên các bị cáo này và ông T không phải chịu.

[13] Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Trần Minh N do bị cáo đã rút kháng cáo. Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2022/HS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ đối với bị cáo Trần Minh N có hiệu lực pháp luật.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Tô Văn Th (tên gọi khác: Tư), Phạm Duy T, Phạm Đăng K.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2022/HS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước về phân hình phạt đối với các bị cáo Tô Văn Th (tên gọi khác: Tư), Phạm Duy T, Phạm Đăng K.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Duy T, Tô Văn Th (tên gọi khác: Tư) và Phạm Đăng K phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bị cáo **Phạm Duy T** 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, được khấu trừ vào thời gian bị cáo bị giam giữ trước đó, từ ngày 31/12/2020 đến ngày 03/02/2021. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bị cáo **Tô Văn Th** (tên gọi khác: Tư) 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, được khấu trừ vào thời gian bị cáo bị giam giữ trước đó, từ ngày 31/12/2020 đến ngày 05/02/2021. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58, 90, 91, 101, 103 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bị cáo **Phạm Đăng K** 02 (Hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

3. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Hiền L (tên gọi khác: Voi), Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Hoàng Thái B, Mã Lương Đ, Nguyễn Hoàng G, Vũ Canh T, Phan Trí M và kháng cáo của ông Nguyễn Văn T về việc xin cho bị cáo Nguyễn Thành T được hưởng án treo.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2022/HS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước về phân hình phạt đối với các bị cáo L, G, Vũ Canh T, D, B, Đ, M và Nguyễn Thành T; giữ nguyên mức hình phạt tù đối với các bị cáo L, G, Vũ Canh T, D, B, Đ, M và Nguyễn Thành T nhưng cho các bị cáo này được hưởng án treo;

Tuyên bố các bị cáo Trần Hiền L (tên gọi khác: Voi), Nguyễn Hoàng G, Nguyễn Hoàng D, Vũ Canh T, Nguyễn Hoàng Thái B, Mã Lương Đ, Phan Trí M, Nguyễn Thành T phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bị cáo **Trần Hiền L** (tên gọi khác: Voi) 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng G** 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng D** 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bị cáo **Vũ Canh T** 02 (Hai)

năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng Thái B** 02 (Hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bị cáo **Mã Lương Đ** 02 (Hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bị cáo **Phan Trí M** 02 (Hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58, 90, 91, 101, 103 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bị cáo **Nguyễn Thành T** 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (Ba) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo **Trần Hiền L** (tên gọi khác: Voi), **Vũ Canh T** cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo **Nguyễn Hoàng G** cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo **Nguyễn Hoàng D**, **Nguyễn Hoàng Thái B**, **Mã Lương Đ**, **Nguyễn Thành T** cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo **Phan Trí M** cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

4. Án phí hình sự phúc thẩm:

Các bị cáo Tô Văn Th (tên gọi khác: Tư), Phạm Duy T, Phạm Đăng K: mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo Trần Hiền L (tên gọi khác: Voi), Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Hoàng Thái B, Mã Lương Đ, Nguyễn Hoàng G, Vũ Canh T, Phan Trí M và ông Nguyễn Văn T không phải chịu.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Các bị cáo;
- PV 06 - CA tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- CQĐT - Công an huyện Đ;
- Cơ quan THAHS - CA huyện Đ;
- UBND các xã L, T, H và UBND thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp;
- Tổ HCTP; Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Quý Chi